

~~~~~  
**T Â N - Đ Æ**  
**NGUYỄN KHẮC HIẾU**  
**1888 — 1939**  
~~~~~

TÂN - Đ Æ là biệt hiệu (tên ghép của núi Tân và sông Đà), tên thật là Nguyễn Khắc Hiếu, sinh năm 1888 tại làng Khê-thượng, huyện Bất-bạt, tỉnh Sơn-tây (Bắc-phần). Thân phụ là cụ Nguyễn danh Kê, thân mẫu là một ã đào hát hay, thơ giỏi, thường gọi Phủ Ba.

Tân-Đà là con dòng thứ. Ông có hai người anh cùng cha khác mẹ là Nguyễn tài Tích và Nguyễn Cồn ; ngoài ra, còn người anh cùng mẹ là Nguyễn Mạn.

Từ nhỏ ông theo học Hán văn, sau nhờ người anh cả là Phó-bàng Nguyễn tài Tích làm Đốc-học, hết lòng chỉ dẫn nên ông nổi tiếng văn hay chữ tốt. Ngay lúc còn học ở trường Quy-thức ông nổi danh với bài Âu Ấ nhị châu hiện thế, được các báo Trung-hoa ở Hương-cảng đăng trong mục xã thuyết.

Năm 1909, ông bị hỏng ở khoa thi Hương (Kỳ-dậu).

Năm 1912, ông yêu cô gái bán sách họ Đò ở phố Hàng Bù. Tân - Đ Æ chiều theo ý muốn của nàng đã phải dùng bằng

Ấm-sinh đề thi Hậu-bồ, nhưng bị rớt văn đáp. Mùa thu năm ấy, ông thi Hương lại hỏng luôn. Mỗi tình vì đó mà tại vô ; nàng đi lấy chồng ; Tân-Đà đành ôm khối tình tuyệt vọng từ đây.

Sau khi ông anh cả Nguyễn tài Tích mất, Tân-Đà ra làm báo. Vừa viết cho Đồng-dương tạp chí của ông Nguyễn văn Vinh (1913), vừa viết cho Nam phong thì bị ông Phạm Quỳnh vì muốn tranh thời danh mà thăng tay mặt sai quyền Giác mộng con nên không hợp tác được. Ra làm chủ bút tạp chí Hữu thanh (1921); nhưng vốn là nhà thơ, không quen nghề làm báo nên không bao lâu Hữu thanh đình bản. Ông lập Tân-Đà thư cục, rồi cho ra An-nam tạp chí (1926); nhưng cũng đình bản. Tân-Đà vào Gia-định (Nam-phần) ở tại Xóm Gà viết cho báo Thần chung và Đông Pháp thời báo của ông Diệp văn Kỳ. Nhưng rồi ông lại ra Bắc tái bản An-nam tạp chí. Tạp báo này lại chết làm tan vỡ cái mộng « bồi lại bức dư đồ » của Tân-Đà. Ông đành quay về dịch thơ Đường cho báo. Ngày nay, chủ thích truyện Kiều, Lịch Liêu trai chí dị cho nhà xuất bản Tân Dân.

Tác phẩm của ông suốt 25 năm trong nghề văn, nghề báo gồm có :

Tiên thuyết : Thê non nước, Thiên ai trí kỷ (truyện ngắn, 1912), Giác mộng lớn, Giác mộng con I (1916), Giác mộng con II (1932).

Luận thuyết : Tân-Đà từng văn (bản chính, bản phụ), Tân-Đà văn tập (hai quyển gồm những bài viết ở Đông phương tạp chí in thành sách 1932), Tân-Đà xuân sắc (1934), Khối tình (1918).

Giáo khoa : Lên sáu, Lên tám, Đài gương truyện, Quốc sử huấn mộng, Đàn bà Tàu (trích dịch liệt nữ truyện).

Dịch thuật : Đại học, Đồng thi, Liêu trai chí dị (40 truyện).

Tướng chào : Tây-Thi, Tỳ-bà hành, Lưu Nguyễn nhập Thiên-thai.

Đến năm 1939, Tân-Đà qua đời tại số 71 Ngã tư Sở, ngày 20 tháng 4 năm Kỷ-mão Âm-lịch, nhằm ngày 7 tháng 5 năm 1939, tại Hà-Đội.



ĐEM đặt Tân-Đà lên hàng đầu chiếc chiếu thi đàn Việt-nam ở giai đoạn tiền chiến mở màn cho kỷ nguyên thi ca mới, có lẽ các bạn sẽ gợn lên một thoáng ngạc nhiên ; nhưng rồi sự cảm xúc ấy sẽ lắng dịu ngay khi chúng ta hiểu rằng Tân-Đà là một hồn thơ cũ đã cảm, cảm thông hồn thơ mới của lớp người trẻ ; thi nhân đã đóng vai trò của nhịp cầu nối liền hai thế hệ tân và cựu.

Sau khi thực dân chiếm xong giải đất này, đặt ngay guồng máy cai trị, nhốt chặt muôn triệu linh hồn Việt-nam, tuy chậm tiến trước sức mạnh vũ bão của cơ giới văn minh, nhưng vẫn là những tâm hồn khao khát cái cao rộng của trời xanh. Tân-Đà tuy không phải là chiến sĩ tích cực giải phóng lao lung, nhưng cũng phát lộ được ý chí « bồi lại bức dư đồ », giải tỏa nỗi niềm tru ai đối với quốc gia, dân tộc.

Tiếp đây là một cuộc tấn công mới của thực dân trên địa hạt văn hóa ; họ đem cái học thuật Tây-phương gieo rắc sự hiểu biết cần thiết của một trách vụ phục dịch đề củng cố thế đứng vững chắc trên thực dân địa ; tuy nhiên nó cũng có khả năng tiêu hủy căn bản văn hóa cổ truyền của một dân tộc nhỏ bé. Đó là hồi chuông gióng lên báo hiệu sự bắt đầu suy tàn của nền học cũ. Hồn thơ của Tân-Đà đã hấp thụ thấm đậm nền Nho-học Đông-phương, những mong đem sự hiểu biết của mình đề thi thố với đời. Nào ngờ, ngọn gió văn minh Tây-phương thổi đưa cái căn bản tri thức của Tân-Đà tan như khói tỏa, cho nên Tân-Đà đã buồn đau khi phải chứng kiến sự thoái vị của nền cựu học.

Như đề cử vắng một thân bị lẻ làng, Tân-Đà đã không bắt chước các cụ thời xưa thường hay rút về an hưởng cảnh nhàn khi chán ngán một thực tế đáng cay, hoặc lấy tay bưng bít việc đời mặc kệ sự giả dối, lật lọng, phản trắc cứ tiếp diễn; Tân-Đà khác hơn đã thả hồn mình trong « giấc mộng con », « giấc mộng lớn », làm một cuộc viễn du vòng quanh thế giới như cô tìm hiểu tận cội rễ cái mới mẻ của nền tân học. Sau đấy, ta thấy Tân-Đà như làm cuộc cách mạng trong tâm hồn, tư tưởng liên biến đổi, thu được khoảng cách trước bước tiến của lớp trẻ; tiếng lòng của thi nhân được diễn đạt thành tiếng tơ rẻo rất giữa cái tân kỳ của lớp người mới mà ta không cảm thấy bị lồi nhিপ hoặc sượng sùng; vì lúc bấy giờ Tân-Đà đã trang bị cho mình những gì cần thiết trong cuộc hòa nhạc. Cũng có cái lãng mạn của J. Leiba hay Hồ Dzếnh sau khi bị « tiếng sét ái tình » của người con gái họ Đỗ; cũng có nỗi niềm tha thiết với quê hương trong mấy vần thơ của Thâm-Tâm, Trần Huyền Trân; lại có cả cái say sưa của Vũ hoàng Chương; Tân-Đà còn vượt bậc hơn thi nhân trẻ ở cái ngộ ngĩnh. Một cái ngộ ngĩnh mà Trời còn chạy mất; nó đã trở thành một bản án của vị trích tiên Tân-Đà con ghi rành rành trong quyển sổ Thiệp-tào:

Bản quẻ có tên « Nguyễn Khắc Hiếu »

Đầy xương họ giới về tội ngộ ng.

(Hải Triều)

Bây giờ ta thử lược qua khái quát những đồng tư tưởng của Tân-Đà.

Trước nhất, hãy nói đến khuynh hướng lãng mạn. Sau khi bị tan vỡ mộng tình cùng nàng Đỗ thị, Tân-Đà đã dành cho tình yêu chiếm một chỗ quan trọng trong thi ca. Từ thuở ban sơ khi tìm tình bắt đầu rung động, thi nhân tự hỏi:

Quái lạ vì sao cứ nhớ nhau ?

Như nhạc đồng vọng suốt đêm thâu.

Bốn phương mây nước người đôi ngã,

Hai gánh tương tư một gánh sầu.

Nhịp lòng dậy lên niềm thần thức khi thần thờ có độc đứng dưới ánh trăng suông, thảng thốt thi nhân kêu lên như than thở:

Mình ơi có nhớ ta chăng ?

Nhớ mình đứng tựa ánh trăng ta sầu.

Nhớ thì vẫn nhớ đấy, nhưng từ lúc chàng trượt kỳ thi Hậu-bổ, rồi lại thi Hương lần nhì hỏng nốt, con chim hồng của thi nhân vội tung cánh tuyệt mù, để lại một tâm hồn sâu trĩu ỉu dờ bước đường mây, tan rã giấc mộng tình. Ta hãy nghe thi nhân kêu đau trong những vần thơ nhẹ nhàng, gọi cảm:

Duyên hò thắm hồng đương phai nhạt,

Mỗi cơ vương dứt nát tan tành,

Tâm riêng riêng những then mình,

Giữa đường buồn đứt gánh tình như không !

Ái ân thôi có ngần này,

Thề nguyện non nước đợi ngày tái sinh...

Thực tế quả đáng cay, chua chát ! Thi nhân xoay đường tình vào cõi mộng. Một « giấc mộng con » cũng đã làm thỏa mãn yêu đương còn hơn mười năm mới được ái tình cùng người đẹp. Tân-Đà đã đem thực tế và cõi mộng ra so sánh:

N h ớ m ộ n g

Giấc mộng mười năm đã tỉnh rồi,

Tình rồi lại muốn mộng mà chơi.

Như đời lắm nỗi không bằng mộng,

Tiếc mộng bao nhiêu lại ngắn đời.

*Những lúc canh gà ba cốc rượu,
Vài khi cánh điệp bốn phương trời.
Tìm đâu cho thấy người trong mộng,
Mộng cũ mê đường biết hỏi ai ?*

(Giấc mộng con)

Thất bại đường tình ô hiện thực, thi nhân xây giấc mộng tình cùng người con gái ở tận trời Tây, nàng Chu Kiều-Oanh, — phải chăng là hình ảnh nàng Đỗ thị ? — Ở *Giấc mộng con*, chúng ta còn thấy bóng dáng người con gái mến yêu ; đến bài *Tồng biệt*, tình ái của thi nhân lơ mơ trong sương phủ. Hãy đọc :

Tồng biệt

*Lá đào rơi rắc lối Thiên-thai,
Suối tiền oanh đưa những ngậm ngùi.
Nửa năm tiền cảnh,
Một bước tiền ai.
Ước cũ duyên thừa, có thể thôi !
Đà mòn, rêu nhạt,
Nước chảy, huê trôi,
Cái hạc bay lên vút tận trời !
Trời đất từ nay xa cách mãi.
Cửa động,
Đầu non,
Đường lối cũ,
Nghìn năm thơ thần bóng trắng chơi.*

*

Bản đến tinh thần ái quốc, chúng ta thấy bộc lộ sự bất mãn (1) ngay từ khi Tân-Đà va chạm phải cái thối nát của đám quan lại ở chốn trường thi ; chỉ vì tin ở tài bộ

1) Sau khi bị thi trượt, Tân-Đà nhận định chưa chết. « Cấu sự bản trong đời không có cái gì bản bằng văn sách hỏi mẹo. »

có thừa mà không chịu uốn mình theo khuôn phép nên bị đánh hỏng. Đã đau lòng trước cảnh nước nhà gặp bước suy vong lụn bại trong vòng kiểm toà, cương thường đạo nghĩa nghìn xưa đảo lộn, lại thêm bọn sâu dân một nước tiếp tay với thực dân đục khoét mảnh giang san ra tơi tả, đau thương, thi nhân đã bày tỏ ý gì trong bài :

Vịnh bức dư đồ rách

*Nợ bức dư đồ thử đứng coi,
Sông sông núi núi khéo bẽ cười.
Biết bao lúc mới công vờ vẽ,
Sao đến bây giờ rách tả tơi ?
Ai trước ông cha mua dề lại,
Mà sau con cháu lấy làm chơi !
Thôi thôi cơ trách chi dân trẻ,
Thôi đi rồi ta sẽ liệu bồi !*

Tình yêu nước của Tân-Đà nhẹ nhàng, loáng thoáng. Sau khi người anh cả chết, ông nhất quyết ra làm báo vì nghĩ rằng đây là phương tiện để ông dùng ngòi bút — khi giới muốn đời của kẻ sĩ — đóng góp với non sông. Tân-Đà đã lập chí như thế nào ? Ta hãy nghe :

*Phận nam nhi tang bồng là chi,
Chữ trượng phu ý khí nhường ai.
Non sông thế với hai vai,
Quyết đem bút sắt mà mài lòng son.*

Giả lúc bấy giờ lòng ông đen tối, ham chạy theo bả lợi danh, chỉ cần đồng ý với thực dân Vayrac, ra làm quan thì thoát ngay cảnh nghèo khổ như bọn. Nhưng không, lòng ông đã nặng thế cùng non nước :

Thế non nước

*Nước non nặng một lời thề,
Nước đi đi mãi không về cùng non.
Nhớ lời « nguyện nước thế non »,
Nước đi chưa lại non còn đứng không.*

Non cao những ngóng cùng trông.
 Tuổi khô dòng lệ chờ mong tháng ngày.
 Xương mai một năm hao gầy,
 Tóc mây một mái đã đầy tuyết sương.
 Trời Tây ngả bóng tà dương,
 Càng phơ vẻ ngọc, nét vàng phai pha.
 Non cao tuổi vẫn chưa già,
 Non thời nhớ nước, nước mà quên non.
 Dù cho sông cạn đá mòn,
 Còn non, còn nước, hãy còn thể xưa.
 Non xanh đã biết hay chưa ?
 Nước đi ra bề lại mưa về nguồn.
 Nước non hội ngộ còn luôn,
 Bảo cho non chớ có buồn làm chi.
 Nước kia dù hãy còn đi,
 Ngàn dâu xanh tốt non thì cứ vui.
 Nghìn năm giao ước kết đôi,
 Non non, nước nước không quên lời thề.

Say và Ngóng của Tân-Đà phải đi đôi. Nó là trạng thái tất nhiên của một tâm hồn kết tụ bởi buồn, chán và bức tức. Buồn cho ái tình dở lỡ, bể bâng; chán cho tình đời đen bạc, thêm nghĩ mình sinh bất phùng thời, mang một kiếp tài hoa mà chẳng có đất thi thố để cho phùng vô tài thiếu đức mùa rồi trên tấn kịch xã hội. Tân-Đà mới mượn câu thơ chung rượu khóa lấp sâu tư để quên sự đời, quên cái thân hình phù du của con người. Tân-Đà vẫn biết « say sưa là hư đời », nhưng trong cái đau như của thể xác thi nhân đã tìm được đôi khắc sung sướng ở tâm hồn. Nhiệt độ của men rượu quả có năng hiệu đốt cháy mọi phiền não của tâm cơ, nâng đầy hình hài thoát khỏi thực tại chua chát, hồn phách bỗng trở nhẹ lâng lâng. Ta hãy đọc những vần dưới đây để biết tại sao Tân-Đà cần phải say :

Lại say

Say sưa nghĩ cũng hư đời,
 Hư thì hư vậy, say thì cứ say.
 Đất say đất cũng lăn quay,
 Trời say mặt cũng đỏ gay, ai cười ?
 Say chẳng biết phen này là mấy,
 Nhìn non xanh chẳng thấy lại là say.
 Quái ! Say sao ? Say mãi thế này ?
 Say suốt cả đêm ngày như bất tỉnh,
 Thê ngôn túy tửu chân vô ích.
 Ngã dục tiêu sầu thả tự do.
 Việc trần ai, ai tình, ai lo,
 Say lúy túy nhỏ to đều bất kể.
 Trời đấy nhỉ ! Cái say là sướng thế !
 Vợ khuyên chồng, ai dễ đã chữa ngay,
 Muốn say lại cứ mà say

Từ say đến ngóng chỉ là một bước lân cận. Nếu tình yêu đã choán nhiều chỗ trong tác phẩm của ông, thì tánh ngóng cũng không chịu kém. Có người viết về cái ngóng của Tân-Đà như sau :

« Nếu đọc thơ Tân-Đà trên mọi khía cạnh mà không đọc những bài thơ cũng như những đoạn văn về ngóng của ông thì thật là một lỗi lầm rất lớn và có thể cho rằng như vậy chính là chưa đọc hết thơ của Tân-Đà ! »

Nếu ở mười tám năm trước đây, một Trần tế Xương suốt đời phải lận đận lao đao vì khoa cử công danh mà nay ra tư tưởng chán đời đến độ bất cần sự đời, đâm ra lêu lổng ăn chơi, nổi tiếng là :

« Vĩ-xuyên có bác Tú Xương,
 Quanh năm ăn quýt, chơi lường mà thôi. »

hay :

« Một ngọn đèn xanh, một quyền vàng,
 Bốn con làm lính, bốn làm quan.

Quạt nước chưa xong con nhảy ngược;

Trống châu chưa dứt, bố leo thang. »

Thật là ngông không ai hơn.

Thế rồi chẳng bao lâu, nhà thơ Tân-Đà lại tiếp tục sự nghiệp ngông ấy. Cái ngông trong thơ Tân-Đà gần như là một vấn đề phải có đối với ông. vì nó đã phản ánh được cá tính cũng như cuộc sống lúc bấy giờ của tác giả.

Như mọi người đều biết, Tân-Đà làm văn-ngệ nhưng suốt đời vẫn sống trong cảnh túng thiếu, nghèo nàn không thua gì ông tú làng Vị-xuyên, nghèo đến nước :

« Ôi trời ! ôi đất ! ôi là Tết !

Tháng cặn năm cùng gạo cũng hết. »

(Than Tết)

hay :

« Tết đến năm nay nghị cũng buồn,

Tiền thì không có, nợ đời luôn. »

(Lời than cuộc đời)

Với cảnh nhà cùng quẫn, tiền bạc không có, vay trước trả sau, Tân-Đà quá chán chường cuộc sống, nảy sinh tư tưởng bất cần đời, vì ông tin rằng «bốn ba chẳng qua thời vận» rồi ông đâm ra liêu lĩnh, ăn chơi cho thỏa thích, mặc đến đâu thì đến. Làm văn chương chẳng cần mực thước, vui thì làm, buồn thì nghỉ. Những điều vừa nói, ta thấy tâm trạng của thi nhân qua bài *Còn chơi*, tiêu biểu khuynh hướng ngông của tác giả :

Còn chơi

Ai đã hay đâu tớ chán đời,

Đời chưa chán tớ, tớ còn chơi.

Chơi cho thật chán, cho đời chán,

Đời chán nhau rồi, tớ sẽ thôi.

TÂN-ĐÀ

Nói thế, can gì tớ đã thôi,

Đời đương có tớ, tớ còn chơi.

Người ta chơi đã già đời cả,

Như tớ năm nay mới nửa đời.

Nửa đời chính độ tớ đương chơi,

Chơi muốn như sao thật sướng đời.

Người đời ai có chơi như tớ,

Chơi cứ bàng vân mãi chưa thôi.

Chơi văn sướng đến thế thì thôi,

Một mảnh trăng non chiều cỏi đời.

Văn vận nước nhà đương buổi mới,

Như trăng mới mọc, tớ còn chơi

Làng văn chỉ thiếu khách đua chơi,

Dan diu, ai như tớ với đời.

Tớ đã với đời dan diu mãi,

Muốn thôi, đời cũng chưa cho thôi.

Đời đương dan diu, chưa cho thôi,

Tớ dám xa xôi để phụ đời.

Vắng tớ bấy lâu, đời nhớ tớ,

Nhớ đời, nên tớ vội ra chơi.

Tớ hãy chơi cho quá nửa đời,

Đời chưa quá nửa, tớ chưa thôi.

Tớ thôi, tớ nghỉ buồn cho tớ,

Buồn cả cho đời vắng bạn chơi.

Nào những ai đâu, bạn của đời ?

Sao mà bỏ vắng, ít ra chơi ?

Chờ ai chờ mãi, ại đâu tá ?

Hay ngán cho đời chẳng muốn chơi ?

Nếu tớ như ai : cũng ngán đời,
 Đời thêm vắng bạn, lấy ai chơi ?
 Cuộc đời tớ nghĩ chưa nên ngán,
 Nếu ngán thời xưa tớ đã thôi.
 Tớ nhớ năm xưa nửa ngán đời,
 Nghĩ đi, nghĩ lại, lại ra chơi.
 Mê chơi cho tới thành đan diu,
 Đời đầu cho thôi, tớ chẳng thôi.
 Nghĩ tớ bao nhiêu, lại nghĩ đời,
 Nghĩ đời như thế, dám nào thôi.
 Còn đời, còn tớ, còn chơi mãi,
 Chơi mãi cho đời có bạn chơi.
 Tớ muốn chơi cho thật mãn đời,
 Đời chưa thật mãn tớ chưa thôi.
 Chẳng hay đời tớ lâu hay chóng !
 Dù chóng hay lâu, tớ hãy chơi.
 Trăm năm, tớ độ thế mà thôi,
 Ước, triệu, nghìn năm chưa hết đời.
 Chắc có một phen đời khóc tớ.
 Đời chưa khóc tớ, tớ còn chơi.
 Trăm năm còn độ bấy nhiêu thôi,
 Ngoài cuộc trăm năm, tớ dặn đời.
 Ước, triệu, nghìn năm đời nhớ tớ.
 Tớ thôi, tớ cũng hãy cùng chơi.
 Bút đã thôi rồi, lại chưa thôi,
 Viết thêm câu nữa, hỏi đời chơi :
 * Lộng hoàn * này điều từ đâu trước ?
 Họ được hay không ? Tớ đó đời.

Bất mãn với thời thế, Tàn-Đà cũng như bao nhiêu người khác, những lúc quá ẽ chề chán nản cho cuộc sống hăm hiu, người ta thường sống trong cõi mộng, nuôi một hy vọng ở tương lai sẽ sáng sủa, thắm tươi hơn, vì tin rằng « hết cơn bi cực đến hồi thái lai » nên thi nhân tự hỏi : « có lẽ ta đâu mãi thế này », bởi thế cho nên Tàn-Đà mơ mộng thật nhiều, mơ mộng cuộc sống sẽ huy-hoàng, tên tuổi sẽ sáng chói, những tác phẩm sẽ bán thật nhiều để diễm tô cho cuộc đời thêm khởi sắc, đây ta hãy nghe thi nhân kể lại giấc mơ đó trong bài :

Hầu Trời

Đêm qua chẳng biết có hay không.
 Chẳng phải hoàng hốt không mơ màng.
 Thật hồn, thật phách, thật thân tiề,
 Thật được lên tiên sướng lạ lùng !
 Nguyên lúc canh ba nằm một mình,
 Vất chân dưới bóng ngọn đèn xanh.
 Nằm buồn ngồi dậy đun nước uống,
 Uống xong ấm nước nằm ngâm vắn.
 Chơi vắn ngâm chán lại chơi trăng,
 Ra sân cùng bóng di tung tăng.
 Trên trời bỗng thấy hai cô xuống,
 Miệng cười nụm mỉm cùng nói rằng :
 * Trời nghe hạ giới ai ngâm nga,
 * Tiếng ngâm vang cả sông Ngân-hà.
 * Làm Trời mất ngủ, Trời dương mắng
 * Có hay lên đọc, Trời nghe qua. *
 Ước mãi bây giờ mới gặp Tiên !
 Người Tiên nghe tiếng lại như quen
 Văn chương nào có hay cho lắm,
 Trời đã sai gọi thời phải lên.

Theo hai cô Tiên lên đường mây,
 Vũ vũ không cánh mà như bay.
 Cửa son đỏ chói oai rục rỡ !
 Thiên môn Đé-khuyết như là đây ?

Vào trông thấy Trời, sụp xuống lạy,
 Trời sai Tiên-nữ dắt lối đây,
 Ghế bành như tuyết, vân như mây,
 Truyền cho văn sĩ ngồi chơi đây.

Tiên đồng pha nước, uống vừa xong,
 Bỗng thấy chư Tiên đến thật đông,
 Chung quanh bày ghế ngồi la liệt,
 Tiên bà, Tiên cô, cùng Tiên ông.

Chư Tiên ngồi quanh đã tỉnh tức,
 Trời sai pha nước đề nhấp giọng.
 Truyền cho văn sĩ đọc văn nghe,
 « Dạ, bẩm lạy Trời, con xin đọc. »

Đọc hết văn văn, sang văn xuôi,
 Hết văn thuyết-lý, lại văn chơi.
 Dương cơ đặc ý đọc đã thích,
 Chê trời nhấp giọng càng tốt hơi !

Văn dài, hơi tốt ran cung mây,
 Trời nghe Trời cũng lấy làm hay.
 Tâm như nở dạ, Cờ lê lười,
 Hằng-Nga, Chức-nữ chau đôi mày.

Song-Thành Tiều-Ngọc lắng tai đứng
 Đọc xong mỗi bài, cùng vỗ tay.
 « Bẩm con không dám man cửa Trời,
 « Những các văn, con in cả rồi :

« Hai quyển « Khố tình » văn thuyết-lý ;
 « Hai « Khố tình con » là văn chơi ;
 « Thần tiên », « Giấc mộng », văn tiêu thuyết ;
 « Dải gương », « Lên Sáu » văn vị đời ;

« Quyển « Đàn bà Tàu » lối văn dịch ;
 « Đến quyển « Lên Tám » nay là mười,
 « Nhờ Trời văn con mà bán được,
 « Chưa biết con in ra mấy mươi ! »

Văn đã giàu thay, lại lắm lối,
 Trời nghe Trời cũng bật buồn cười.
 Chư tiên ao ước, tranh nhau đến,
 « Anh gánh lên đây bán chợ trời. »

Trời lại phê cho : « Văn thật tuyệt !
 « Văn trần được thể chắc có ít ?
 « Lối văn chuốt đẹp như sao băng !
 « Khi văn hùng mạnh như inav chuyền ! »

« Êm như gió thoảng, tinh như sương !
 « Dăm như mưa sa, lạnh như tuyết !
 « Chẳng hay văn sĩ tên họ gì ?
 « Người ở phương nào ? Ta chưa biết ! »

— « Dạ, bẩm lạy Trời, con xin thưa :
 « Con tên « Khắc Hiếu » họ là « Nguyễn »
 « Quê ở Á-châu về Địa-cầu.
 « Sông Đà, núi Tản, nước Nam-Việt. »

Nghe xong, Trời ngự một lúc lâu,
 Sai bảo Thiên-Tào lấy sổ xét.
 Thiên-Tào tra sổ xét vừa xong,
 Đề sổ lên trình Thượng-đế trông :

« Bầm quả có tên « Nguyễn khắc Hiếu »
 « Đầy xuống hạ giới về tội ngông ».
 Trời rằng : « Khổng phải là trời đầy,
 « Trời định sai con một việc này :
 « Là việc « thiên lương của nhân loại »
 « Cho con xuống thuật cùng đời hay. »

— « Bầm trời, cảnh con thật nghèo khó,
 « Trần gian thước đất cũng không có.
 « Nhờ trời năm xưa học ít nhiều,
 « Vốn liếng còn một bụng văn đó.
 « Giấy người, mực người, thuê người in,
 « Mượn cửa hàng người bán phường phố.
 « Văn chương hạ giới rẻ như bèo !
 « Kiếm được đồng lãi thật rất khó !
 « Kiếm được củi ít, tiêu phải nhiều,
 « Làm mãi quanh năm chẳng đủ tiêu.
 « Lo ăn, lo mặc suốt ngày tháng,
 « Học ngày một kém, tuổi ngày cao !
 « Sức trong non yếu, ngoài chen rập,
 « Một cây che chống bốn năm chiều.
 « Trời lại sai con việc nặng què,
 « Biết làm có nài, mà dám theo ? »

— Răn : « Con không nói, Trời đã biết,
 « Trời dẫu ngồi cao, Trời thấu hết.
 « Cho con cứ về mà làm ăn,
 « Lòng thông chớ ngại chi sương tuyết.
 « Cố xong công việc của Trời sai,
 « Trời sẽ cho con về Đẽ-khuyết. »

Vâng lời Trời dạy, lại xin ra,
 Trời sai Khiên-Ngưu đóng xe tiễn.
 Xe trời đa chực ngoài Thiên-môn,
 Chư tiên theo ra cùng tiễn biệt.

Hai hàng lựu biệt giọt sương rơi,
 Trông xuống trần gian vạn dặm khơi.
 Thiên tiên ở lại, Trích-tiên xuống,
 Theo đường không khí về trần ai.

Đêm khuya khí thanh, sao thưa vắng,
 Trăng tà đưa lối về non Đoài.
 Non Đoài đã tới quê trần giới,
 Trông lên chư tiên không còn ai !

Tiếng gà xao xác, tiếng người dậy,
 Giữa sàn còn đứng riêng ngậm ngùi.
 Một năm ba trăm sáu mươi đêm,
 Sao được đêm đêm lên hầu Trời.

Đọc qua ta thấy cái ngông của Tân-Đà nhẹ nhàng, ý nhị, không quá trắng trợn như cái ngông của ông Tú Vĩ-xuyên Trần tế Xương :

Vĩ-xuyên có bác Tú-Xương,
 Quanh năm ăn quýt chơi lường mà thôi.

hay là :

Ông trông lên bảng thấy tên ông,
 Ông tợp rượu vào, ông nói ngông,
 Cụ Sứ có cô con gái đẹp,
 Lăm le xui bố cưới làm chồng.

Trình bày cái ngông của mình, trước mặt Trời thì nhân kè lẽ tâm sự của một khách văn-chương như ông, vẫn rất hay nhưng khổ nỗi « văn chương hạ giới rẻ như bèo », bởi thế cho nên :

Kiểm được đồng lai thật rất khó !
nhưng :

Kiểm được cố ít, tiêu phải nhiều.
Chính vì thế mà :

Làm mãi quanh năm chẳng đủ tiêu.
Lo ăn, lo mặc, suốt ngày tháng.

Trong khi đó thì :

Sức trong non yếu, ngoài chen rấp,
Một cây che chống bốn năm chiều.

Chính vì những ý nghĩ đó mà Tản-Đà ngông và muốn :

« Tôi muốn chơi cho thật mãn đời,
Đời chưa thật mãn, tôi chưa thôi.
Chẳng hay đời tôi lâu hay chóng ?
Dù chóng hay lâu tôi hãy chơi »

Tình và ý thơ của Tản-Đà còn bàng bạc trong các tác phẩm. Một phần nhờ mọn của quyển sách này không làm sao luận cặn. Từ cái hướng nhằm của hai tác phẩm *Lên sáu* và *Lên tám*, tác giả đã lấy sự giáo dục làm lợi khí trong việc đào tạo tinh thần đoàn kết và lòng thương nước thương nòi của trẻ con ; qua *Đài gương truyện* và *Đàn bà Tàu* đã nói nhiều về trách vụ người phụ nữ ; đến lòng ái quốc của tiên sinh được bộc lộ rải rác trong những văn thi phẩm mà chúng tôi đã luận qua khai quát ở phần trên.

Riêng phương diện tình ái, ta thấy tình yêu của Tản-Đà tuy nhẹ nhàng nhưng không kém đậm đà, tha thiết. Ngọn lửa yêu đương đã thành hình và bốc cháy trong tâm can cũng như đã trải ra trên trang thơ nét chữ là thứ tình yêu mang màu sắc của người phương Đông ; mặc dù yêu nhau nặng, tình cảm đã trào dâng nhưng không dám thổ lộ quá cởi mở như người phương Tây.

Nói đến cái ngông. Từ khi Tản-Đà đã lỡ bước đường mây, thua thiệt trong tình ái, lại thấy trên sáu kiểu đời

nhờn nhờ phường bất tài bất trí, rồi nghĩ lại mình, thương cho một thân chứa đựng tài hoa mà đành khoanh tay chịu cảnh nghèo, nhìn mọi diễn biến chán ghét trong vô bi hải kịch xã hội ; ngần ấy bất mãn đã nung sôi lòng bức tức, ông đâm ra ngông nghênh, nói theo danh từ thời đại nó là cái bốc đồng nhất thời vậy. Ngông là cái thói khinh đời, ngạo thế. Nó là trạng thái khi cái tri thức bị rượt đuổi đến bước đường cùng. Bị uất ần mà không làm sao giải tỏa ; ước định lo cho đời mà đời chẳng cho lo ; những tâm hồn bị đè nén đâm ra tư tưởng cóc cần đời. Vì thế, Tản-Đà quyết định : vậy thì cứ ăn chơi cho thỏa thích, chơi đến đời chán mới thôi ; nhưng như vậy là đã thiên về vật chất ; cái tình vị tha vị xã trước kia nay bị co rút vào tấp nập của cuộc sống hiện hữu được gói ghém kỹ trong một cá thể.

Nói chung, cái ngông này, Tản-Đà quyết định mang đến kỳ cùng hơi thở. Nó là một hình thức chống đối thời thế đã không chiều lòng người, mà còn hất hủi xô đẩy Tản-Đà trở thành một con người bất đắc chí vì chưa thỏa mãn được sứ mạng thi hành cái « thiên lương (1) » mà Trời đã giao phó.



(1) *Thiên lương* gồm ba chất :

- 1) *Lương tri* là cái tri thức người ta vốn biết, không cần phải suy nghĩ và học tập.
- 2) *Lương tâm* là cái thiện tâm của người ta sẵn có.
- 3) *Lương năng* là cái tài năng người ta không học mà có.

Thiên lương nằm trong học thuyết Vương dương Minh.

Tản-Đà chủ trương : muốn cho nước tiến bộ phải cải thiện xã hội ; muốn cải thiện xã hội phải cải thiện con người ; muốn cải thiện con người phải phát triển thiên lương.

Đây là một khía cạnh yêu nước của nhà thơ họ Nguyễn.

Chi tuyến

Hủ nho lo việc đời

Đáng nực cười cho bác Hủ-nho !
Việc đời, ai khiến gánh mà lo,
Lo to, lo nhỏ, lo nào xiết.
Lo thế mà ai có biết cho.

Lo vì công việc báo « An-nam »,
Đã trót đã mang cứ phải làm.
Bốn bề phen này không trắng nợ,
Tuyệt sương âu hân bạc đầu thêm.

Lo vì tin nước đã lưng sông,
Đâu đó dễ điều có vững không ?
Con cháu Rồng Tiên đương đói dở,
Không hay Hà-bá có thương cùng ?

Lo vì xã hội thiếu tiền tiêu,
Một kẻ phong lưu chín kẻ nghèo.
Cái nổi sinh nhai mà khốn khó,
Con đường tiến hóa cổ mà theo.

Lo vì phong hóa mỗi ngày suy,
Thánh giáo không ai kẻ hộ trì.
Hằng sản cũng không, tâm cũng mất,
Sĩ còn chưa trách, trách dân chi !

Lo vì thế cục nát như tương,
Cái ruột tâm ai rối vẩn vương.
Nhộn chẳng ăn ai, ngồi bút sắt,
Cùng ai lo tính lúc đêm trường.

Đáng nực cười cho cái sự lo,
Lo quanh, lo quần chẳng ra trò.
Việc đời ai có lo chẳng tá ?
Ai có lo cùng bác hủ nho ?

*

Lo văn ề

Như tớ xưa nay vốn văn nghèo,
Bán văn buôn chữ kiếm tiền tiêu.
Quanh năm luống vẩn lo vẩn ề,
Thân thể xem thua chú hát chèo.

Hát chèo lắm lúc nghĩ mà ngoan,
Về mặt pha trò với thể gian.
Vợ cưới đêm nay, mai lại cưới,
Đêm đêm cưới vợ lại làm quan.

Làm quan vì có dễ như chèo,
Tớ đến năm nay đã chẳng nghèo.
Bới bước công danh trèo cũng khó,
Trèo leo chẳng được phải nằm meo !

Nằm meo cho tớ nghĩ ra vẩn,
In bán ra đời cách kiếm ăn.
Vô sự ăn xong nằm lại nghĩ,
Con tầm rút ruột lá dâu xanh.

Dâu xanh rút giả sợi tơ vàng,
Thân thể con tầm những vẩn vương.
Tớ nghĩ thân tầm như tớ nhĩ,
Tơ tầm đòi đoạn mối vẩn chương.

Văn chương nào dám nói hơn ai,
 Nghề nghiệp làm ăn phải thế thôi.
 In hết quyền này ra quyền khác,
 Có văn có ích, có văn chơi.

Văn chơi in bán đề chơi chung,
 Dầu được lời riêng có mấy đồng.
 Buôn chữ gặp ngay hồi giấy đắt,
 Người mua ai có biết cho không ?

Cho không ai biết đây là đâu,
 « Bán nói » khi đâu dám đặt điều.
 Tốn kém vì văn chưa tính đến,
 Nhưng tiền giấy mực những bao nhiêu.

Bao nhiêu củi nước mới thành văn.
 Được bán văn ra chết mấy lần.
 Ông chủ nhà in, in đã đắt !
 Lại ông hàng sách mấy mươi phân !!

Mười phân gửi bán lấy tiền sau,
 Bán hết thu tiền nghĩ cũng lâu.
 Lắm lúc túng tiền mang bán rẻ.
 Trừ đầu, trừ cuối, nghĩ càng đau.

Càng đau mà vẫn phải càng theo,
 Theo mãi cho nên cứ vẫn nghèo.
 Nghèo chỉ có văn, văn lại ế !
 Ế văn cho tới hết tiền tiêu.

Tiền tiêu không có những bản khoán,
 Vay ngược vay xuôi thực khó khăn.
 Công nợ nhà in còn chất đống,
 Còn đâu gan ruột nghĩ ra văn.

Ra văn mà bán chẳng ra tiền,
 Cái nghiệp văn chương nghĩ thật phiền.
 Văn ế bao giờ cho bán hết ?
 Phen này có nhẽ gánh lên tiên.

*

Ngày xuân nhớ xuân

Bính-tý sang, mà Ất-hợi qua,
 Đòi thay cũ mới khắp gần xa.
 Vui xuân thiên hạ bao nhiêu kẻ,
 Ngồi nhớ xuân xưa họa có ta.

Xuân xưa như lúc ta lên năm,
 Vợ lòng đi học, phố thành Nam.
 Học sách ba chữ, thơ năm chữ.
 Đến sách Dương-Tiết vừa hết năm.

Xuân xưa đến lúc ta lên sáu,
 Học sách Luận-ngữ đọc lâu tấu.
 Ở nhà Hà-nội, phố hàng Bông,
 Bốn tám, đến nay còn nhớ số.

Cuối năm lên sáu, ta về Khê,
 Đà-giang, Tân-lĩnh, nước non quê.
 Sách nho học Truyện, lại học Sử,
 Quốc-ngữ cũng mới lâu A, B.

Xuân xưa bảy, tám, chín, mười tuổi,
 Văn chương ta mới làm câu đối.
 Đến xuân mười một, học làm thơ,
 Xuân mười bốn tuổi, văn đủ lối.

Đà-giang nước chảy, Tản mây bay,
 Mười bốn xuân qua trái tháng ngày.
 Hết xuân mười bốn từ Khê-thượng,
 Về học phủ Quảng, gần Sơn-tây.
 Quảng-oai vừa trái bốn xuân dư,
 Xuân, mỗi ngày cao, học cũng như.
 Cuối xuân mười chín, ra Hà-nội,
 Học trường Quy-thức, đường Gia-ngư.
 Hà-thành qua trái một đôi xuân,
 Học chẳng cao thêm cũng rộng dần.
 Mới học Pháp văn từ lúc ấy,
 Ấy năm Thành-Thái sang Duy-Tân.
 Xuân xưa đến tuổi ta hai mươi,
 Phủ Vĩnh cầm thư quây gánh chơi.
 Hán học, Pháp văn, kiêm giảng tụng,
 Ba gian nhà cỏ bóng trắng soi.
 Sang xuân hăm mốt học đi thi
 Thi tại trường Nam, lọt một kỳ.
 Kỳ luận hồng vì vua Hạ-võ !
 Hồng thi càng học đề đi thi !
 Xuân hăm bốn tuổi thi Ấm-sinh,
 Tên đỗ thứ ba đăng nhật trình,
 Hậu-bồ thi luôn, hồng văn đáp,
 Chữ Pháp thất bại trường công danh.
 Xuân qua thu lại, lại đi thi.
 Nam-định bay luôn đệ nhất kỳ.
 Càng học đề thi, càng cứ hồng;
 Thi tèn, học cũng tèn theo thi !

Ngày xuân thắm thoát nghĩ như thôi,
 Cái học năm xưa đã cũ rồi.
 Học cũ đi mà xuân lại mới,
 Thơ xuân như lại viết mà chơi.

*

Thăm mả cũ bên đường

Chơi lâu, nhớ quê về thăm nhà,
 Đường xa, người vắng, bóng chiều tà.
 Một dãy lau cao làn gió chạy,
 Mấy cây thưa lá sắc vàng pha.
 Ngoài xe trơ một đồng đất đỏ,
 Hang hốc đùn trên đám cỏ gà
 Người nằm dưới mả ai ai đó,
 Biết có quê đây hay vùng xa ?
 Hay là thuở trước kẻ cung đao,
 Hám đạn, liều tên, quyết mũi dao ?
 Cửa nhà xa cách, vợ con khuất,
 Da ngựa gói bỏ lâu ngày cao.
 Hay là thuở trước kẻ văn chương,
 Chen hội công danh, nhờ lạc đường.
 Tài cao, phận thấp, chí khí uất,
 Giang-hồ mê chơi quên quê hương ?
 Hay là thuở trước khách hồng nhan,
 Sắc xảo khôn ngoan trời đất ghen.
 Phong trần xui gặp bước lưu lạc,
 Dầu xanh theo một chuyến xuân tàn ? ---

Hay là thuở trước khách phong lưu.
 Vợ con, đàn hạc dễ huê theo.
 Quan san xa lạ đường lối khó,
 Ma thiêng, nước độc phong sương nhiều ?

Hay là thuở trước hạc tài danh,
 Đôi đôi, lứa lứa cũng linh tinh.
 Giận duyên, tui phận, hờn ân ái,
 Đắt khách như chôn một khối tình ?

Suối vàng sâu thẳm biết là ai ?
 Mà cũ không ai kẻ đoái hoài.
 Trải bao ngày tháng trơ trơ đó,
 Mưa dầu, nắng dải, trắng mờ soi !
 Ấy thực quê hương con người ta,
 Dặn bảo trên đường những khách qua.
 Có tiếng khóc oe thời có thể,
 Trăm năm ai lại biết ai mà !

*

Gặp xuân

MƯỜI : Gặp xuân ta giữ xuân chơi,
 Câu thơ chén rượu là nơi đi về.
 Hết xuân cạn chén xuân về.
 Nghìn thu nét mực thơ dễ vẫn xuân !
 NÓI : Xuân ơi, xuân hỡi !
 Vắng xuân lâu, ta vẫn đợi, chờ, mong.
 Trải bao nhiêu ngày, tháng, hạ, thu, đông,
 Ròng rã nỗi nhớ nhung, xuân có biết ?
 Khử thể xuân quy, sầu cửu biệt.
 Kim niên xuân đáo, khách tương phùng.

Gặp ta nay, xuân chớ lạ lòng,
 Tóc có khác, trong lòng ta chẳng khác:
 Kề từ thuở biết xuân bốn chín năm về trước.
 Vẩn rượu thơ non nước thú làm vui.
 Đến xuân nay ta tuổi đã năm mươi;
 Tính trăm tuổi đời người, ta có nửa,
 Còn sau nữa, lại bao nhiêu xuân nữa,
 Mặc trời cho, ta chưa hỏi làm chi.
 Sẵn rượu đào, xuân uống với ta đi,
 Chớ quên biết, kẻ gì ai chủ, khách.
 Thiên cò vị văn song Lý Bạch,
 Nhất niên hà đắc lưỡng Đồng Quân.

Dẫu trăm năm gặp gỡ đủ trăm lần,
 Thơ với rượu cùng xuân ta cứ thể.
 Ngoài trăm tuổi vắng ta trên trần thế,
 Xuân nhớ ta chưa dễ biết đâu tìm !
 Cùng nhau nay hãy uống thêm.

*

Khuyên người giúp dân lụt

Này những ai, này những ai,
 Ai có nghe rằng việc thủy tai :
 Tỉnh Bắc, tỉnh Đông, cùng tỉnh Thái,
 Ruộng ngập nhà chìm, thây chết trôi.
 Thây chết trôi, trôi thời trôi,
 Ai người tìm vớt lúc thiên tai !
 Nhưng mạng chết ai đành đã thế,
 Người còn sống sót nghĩ thương ôi !

Nghĩ thương ôi ! Ai những người,
 Trời làm tai vạ biết kêu ai.
 Đói thời chịu đói, rét chịu rét,
 Đầy vơi mặt nước, lệ đầy vơi.
 Lệ đầy vơi, tình chia phôi,
 Bồng bề con thơ bán khắp nơi :
 Năm hào một đứa trẻ lên sáu,
 Cha còn sống đó, con bỏ coi.
 Con bỏ coi, tình thương ôi !
 Trời làm tai vạ phải chia phôi.
 Sinh con ai nỡ dang lòng bán,
 Thương con nào biết lấy gì nuôi.
 Lấy gì nuôi, lúc thiên tai,
 Chẳng có ngô mà chẳng có khoai,
 Miếng ăn chẳng có, con nhìn bố,
 Nông nổi như kia, đáng ngậm ngùi !
 Đáng ngậm ngùi, ai hỏi ai !
 Ăn sung mặc sướng ngồi thành thơi.
 Nghĩ kẻ cơ hàn nổi nước lụt,
 Như ai khi cũng dọ đầy vơi.
 Dọ đầy vơi, thương cùng ai,
 Thương người khổ hại lúc thiên tai.
 Hai chữ « đồng bào » ân nghĩa nặng,
 Đùm nhau lành rách, hỏi ai ơi !
 Hỏi ai ơi ! là những người,
 Ông trên mạn ngược, bà vùng xuôi,
 Có nhiều cho nhiều, ít cho ít,
 Cứu kẻ bần dân lúc thủy tai.

Lúc thủy tai, này ai ơi !
 Quý tiếc yêu thương lấy giống nòi.
 Con cháu Rồng, Tiên khi đã bĩ,
 Đừng nên rẽ rúng bỏ nhau hoài !

*

S a y

MƯƠU : Đêm xuân một trận nô cười,
 Dưới đèn chẳng biết rằng người hay hoa.
 Khi vui quên cả cái già,
 Khi say chẳng róc giang hà cũng say.
 NÓI : Kim tịch thị hà tịch ?
 Màng gương nga đã tẽch lối non đồi.
 Đó kia ai ba bốn, bốn năm người.
 Người đầu tá còn chơi trong mộng thế ?
 Nhãn ngoại trần ai không nhất thế,
 Hung trung khối lữ thuộc tiên sinh.
 Kiếp say sưa đã chấm sỏ thiên đình.
 Càng đắm sắc mê thính càng mãi miết.
 Say lắm về : say mệt, say mê, say như, say út,
 Trong làng say ai biết nhất ai say ?
 Mảnh hình hài quen giả trá xưa nay,
 Chúng sinh tướng lúc này coi mới hiện.
 Thôi xếp cả nguyệt hoa, hoa nguyệt,
 Cảnh bồng lai trải biết gọi làm duyên.
 Từ trung ưng thị thần tiên.

*

Thơ để thay bài tựa (Đài-gương truyện 1919)

Phàm dân trong một nước,
 Một nửa là dân bà.
 Kề từ con gái bé,
 Chọ đến bà cụ già.
 Đều là người của nước,
 Mà lo việc trong nhà.
 Nhà nào đàn bà hay,
 Thịnh vượng và vui hòa;
 Nhà nào đàn bà hư,
 Lun bại và xấu xa!
 Đây là truyện nước Tàu.
 Dịch ra chữ nước ta.
 Trên từ vợ vua quan,
 Dưới đến nhà dân gia.
 Mẹ hiền dạy con cái,
 Con hiếu với mẹ cha.
 Vợ càng hay lắm vẻ,
 Đạo tam tòng hòa ba.
 Ngoài ba đạo chính ấy,
 Nhiều truyện còn thiết tha.
 Tư tính sao cao minh,
 Thật tự trời sinh ra.
 Hãy xem cách ăn ở,
 Vững vạc như gương nga.
 Lại những lời ăn nói,
 Như gấm càng thêm hoa.
 Ấy các vị thánh hiền,
 Cùng trong làng quần thoa.

Đất nước đầu Nam, Bắc,
 Đạo lý không quan hà.
 Phòng văn lúc nhàn rồi,
 Lời quê diễn nôm ra,
 Mong nhờ cơn gió thanh,
 Hương thơm đưa gần xa.

*

Trần ai tri kỷ

Luân thường đồ nát, phong hóa suy,
 Tiết nghĩa rêu rúng, ân tình ly.
 Vợ chồng kết tóc chưa khăng khít,
 Nhân tình, nhân nghĩa còn kể chi.
 Trần ai tri kỷ ai với ai?
 Chẳng là bác Cả với chị Hai.
 Nào ai khuê tú, ai tài tử,
 Lầu xanh gặp gỡ người làng chơi.
 Nửa gian nhà cỏ ngọn đèn xanh,
 Mấy dịp cầu ao, một gánh tình.
 Bè khô đã qua cơn sóng gió,
 Giàu sang mây chó kiếp phù sinh.
 Cái nợ phong lưu trả đã thừa,
 Qua trải hồng nhan mấy nắng mưa.
 Hương phai, phấn nhạt, duyên càng thắm,
 Lòng chàng khi cuối, thiếp khi xưa.
 Tri kỷ xưa nay để mấy người?
 Trần ai nào đã ai với ai?
 Nhấn khách giai nhân với tài tử:
 Ngồi buồn xem « Truyện thế gian » chơi.

Hài đàm « Thơ mới »

Từ khi Lý-Bạch chết, thiên hạ không chuộng thơ, mà thơ kém hay. Bởi thế mới có Phan tiên sinh ra đời.

Từ khi Bá-Nha chết, thiên hạ không chuộng đờn, mà đờn kém hay. Bởi thế mới có Quách tiên sinh ra đời.

Phan tiên sinh cải lương về nghề thơ, ở đời chưa gặp ai tri kỷ.

Quách tiên sinh cải lương về nghề đờn, ở đời chưa gặp ai tri âm.

Một hôm, kỳ ngộ duyên may, hai tiên sinh gặp gỡ.

Trong một nhà ở phố Khâm-thiên, Phan đương nằm hút ở trên gác, bỗng nghe ở dưới gác có tiếng đờn này, nhận lâu rất thấy khác thường : tiếng đờn thực hay mà như không có cung bậc. Do bụng hoài nghi, Phan tiên sinh bước xuống bậc thang ngó thử coi, thấy người này đờn đó chừng cũng là một du tử, mà coi ra có vẻ cao nhân ; nhân bước luôn xuống thang, làm quen nói chuyện chơi. Người đó là ai ? Tức là Quách vậy. Rồi đó Quách tiên sinh nói truyện đờn ; Phan tiên sinh nói truyện thơ.

Rồi Quách đờn một chập, Phan thơ một hồi.

Rồi Quách lại đờn, Phan lại thơ.

Rồi Phan, Quách lại truyện thơ, truyện đờn.

Cái thú gặp tri kỷ, khó bút mực nào vẽ cho hết. Chỉ chủ đó nguyên là một tay tài tình, văn thơ âm nhạc, đều có hiểu qua ; nhân bàn quàn một cuộc cầm thi, cũng cầm tác một bài « Thơ mới » :

Đờn là đờn,

Thơ là thơ ;

Thơ thời có chữ, đờn có tơ.

Nếu không phá cách vứt điệu luật,

Khó cho thiên hạ đến bao giờ !

Bá-Nha xa,

Lý-Bạch khuất,

Thơ có họ Phan, đờn họ Quách.

Thơ có chữ,

Đờn có tơ ?

Đờn thời ngơ ngẩn, thơ vẫn vờ,

Tài tử văn nhân nhường rứa rứa.

Bút huê ngao ngán bận đề thơ.

Số Mùa Xuân

Phụ nữ tân văn tháng 2 năm 1934.

*

Phong thi

Suối tuôn róc rách ngang đèo,

Gió thu bay lá, bóng chiều về tây.

Chung quanh những đá cùng cây,

Biết người tri kỷ đâu đây mà tìm ?

Hỏi thăm những cá cùng chim

Chim bay xa bóng, cá chìm mất tăm !

Bây giờ vắng mặt tri âm,

Lấy ai là kẻ đồng tâm với mình ?

Nước non vắng khách hữu tình,

Non xanh nước biếc cho mình chờ ai ?

Anh xuôi, em tựa đầu cầu,

Con sông vẫn đó, con tàu đã qua.

Lạy trời gió bão phong ba.

Cho tàu đồ ngược, cho ta thấy mình.

Muốn cho đêm ngắn hơn ngày,

Sớm vỡ ruộng rậm, trưa cây ruộng chiêm.

Muốn cho ngày ngắn hơn đêm,

Đèn khuya chung bóng cho em đỡ sầu.

Mình ơi có nhớ ta chăng ?

Nhớ mình đứng tựa bóng trăng ta sầu.

Trắng kia soi nửa vòng cầu,
 Mà ai tìm cái phong hầu thấy chưa ?
 Đường đi nhỏ nhỏ,
 Bờ cỏ xanh xanh,
 Không duyên không nợ, không tình,
 Đứng không quăng văng, sao mình gặp ta ?
 Bây giờ trời nắng đường xa,
 Rủ nhau vào dưới gốc đa ta ngồi.
 Yêu nhau chẳng lo thề hời,
 Kề Nam, người Bắc, ngậm ngùi nhớ thương.
 Tơ tằm ai vấn mà vương ?
 Đêm qua mất cắp như chơi,
 Có chỗ mất vợ, có nơi mất chồng !
 Ông tơ nghĩ chẳng thẹn thùng,
 Còn đương chấp mối tơ hồng se ai !
 Một con sông, ba bảy con sông dào,
 Trăm công nghìn nợ trông vào một em
 Bao giờ sạch nợ giàu thêm,
 Dè anh đi kéo gó lùn làm nhà.
 Đôi ta trăm tuổi cũng già,
 Con tằm khác kén, cũng là nhộng non.
 Chừ đồng tạc núi ghi sông.
 Đêm thu gió đập cánh cau,
 Chờng ai xa vắng ai sầu chẳng ai ?
 Đêm thu gió hút ngoài tai,
 Gió ơi có biết chẳng ai nơi nào ?
 Đêm thu gió lọt song đào,
 Chờng ai xa vắng, gió vào chi đây ?
 Đêm thu gió lạnh đôi mây,
 Gió ơi có biết nổi này cho chăng ?

Con sông chạy buột về Hà,
 Nhớ ai Hà-nội, trông mà ngùi thương,
 Nhớ người cố quận tha hương,
 Nhớ ai thời nhớ, nhưng đường thời xa.
 Ai xuôi em lấy học trò,
 Thấy nghiêng, thấy bút những lo mà gầy !
 Người ta đi lấy ông Tây,
 Có tiền, có bạc cho thầy mẹ tiêu.
 Ai đi ! đợi với tôi cùng,
 Tôi đi kiếm rượu cho chồng tôi xơi.
 Chờng hư mang tiếng mang tai,
 Tiếng tai thiệp chịu, hơn ai không chờng.
 Có kia đen thui đen thui,
 Phấn đồ vô hồi, cái má vẫn đen.
 Lắm vàng cho thắm nhân duyên,
 Có kia trắng nõn, không tiền lấy ai.
 Trách ai đánh đá nung vôi.
 Trách ai ngả gỗ trên đời đốt than.
 Làm cho vôi trắng than đen,
 Cho lòng đen bạc, thế gian lắm người !
 Bờ hồ những gió cùng trăng,
 Những trăng cùng gió lạnh những sự đời,
 Ai lên nhả trách ông Trời,
 Bày chi trăng gió, cho người gió trăng !

*

Thơ rượu

Người đời như giấc chiêm bao,
 Nghìn xưa đã mấy ai nào trăm năm ?
 Một đoàn lao lực lao tâm,
 Quí chi chữ « thọ » mà lắm sống nhiều ?

Có tiền chưa dễ mà tiêu,
 Ham danh lắm kẻ như diều đứt dây.
 Thương ai cho bận lòng đây?
 Cho vơi hũ rượu, cho đầy túi thơ!
 Cảnh đời gió gió mưa mưa,
 Buồn trong, ta phải say sưa đỡ buồn.
 Rượu say ta lại khơi nguồn,
 Nên thơ, rượu cũng thêm ngon giọng tình.
 Rượu thơ mình lại với mình,
 Khi say quên cả cái hình phù du
 Trăm năm thơ túi rượu vơi,
 Nghìn năm thi sĩ từ đó là ai?

Gió thu

Trận gió thu phong rụng lá vàng,
 Lá rơi hàng xóm lá bay sang.
 Vàng bay mấy lá năm già nữa,
 Hờ hững ai xuôi thiếp phụ chàng?
 Trận gió thu phong rụng lá hồng,
 Lá bay tường bắc lá sang đông.
 Hồng bay mấy lá năm hồ liễu,
 Thơ thần kì ai vẫn đứng không.

THƠ DỊCH :

Hoàng - hạc lâu

Tích nhân dĩ thừa hoàng hạc khứ!
 Thử địa không dư Hoàng-lạc lâu.
 Hoàng hạc nhất khứ bất phục phản,
 Bạch vân thiên tải không du du.
 Tình xuyên lịch lịch Hán-dương thụ,
 Phưởng thảo thê thê Anh-vũ châu.
 Nhật mộ hương quan hà xứ thị?
 Yên ba giang thượng sử nhân sầu.

(Nguyên tác của Thôi-Hiệu)

Gác Hoàng - hạc

Hạc vàng ai cưỡi đi đâu?
 Mà đây Hoàng-hạc riêng lâu còn trơ!
 Hạc vàng đi mất từ xưa,
 Nghìn năm mây trắng bây giờ còn bay.
 Hán-dương sông tạnh, cây hài,
 Bãi xa Anh-vũ xanh đây cỏ non.
 Quê hương khuất bóng hoàng hôn,
 Trên sông khói sóng cho buồn lòng ai?

Tự thuật

Thế sự du du nại lão hà,
 Vô cùng thiên địa nhập hàm ca.
 Thời lai, đồ diêu thành công dị ;
 Sự khứ, anh hùng ảm hận đa.
 Tri chửa hữu hoài phù địa trực
 Tầy binh vô lý vãn thiên hà.
 Quốc thù vị phục, đầu tiên bạch,
 Kỳ độ long tuyền đới nguyệt ma.

(Nguyên tác của Đặng Dung)

Nói về mình

Việc đời man mạc, tuổi già thôi !
 Đất rộng trời cao chén ngậm ngùi.
 Gặp gỡ thời cơ may những kẻ,
 Tan tành sự thế luống cay ai !
 Phò vua bụng những mong xoay đất,
 Gột giáp sông kia khó vạch trời.
 Đầu bạc giang san thù chưa trả,
 Long-tuyền mấy độ bóng trắng soi.

Tri thượng

Tiêu nhai sanh tiêu đỉnh,
 Thâu thái bạch liên hồi.
 Bất giải tàng tung tích,
 Phù bình nhất đạo khai.

(Nguyên tác của Bạch Cư-Dị)

Trên ao

Người xinh bởi chiếc thúng xinh,
 Bông sen trắng nở trắng tình hái về.
 Hớ hênh dấu vết không che,
 Trên ao để một luống chia mặt bèo...

*

Dịch - thủy tòng biệt

Thử địa biệt Yên-Dan,
 Trắng sớ phát xung quan.
 Tích thời nhân đi một,
 Kim nhật thủy do hàn...

(Nguyên tác của Lý Tồn-Vương)

*

Sông Dịch tiễn biệt

Đất này biệt chủ Yên-Dan,
 Tóc anh trắng sớ tức gan định đầu.
 Người xưa nay đã đi đâu !
 Lạnh lòng sông nước cơn sầu chưa tan...

*

Khuê oán

Khuê trung thiếu phụ bắt tri sầu,
 Xuân nhật ngưng trang thương (-) Thủy-lâu.
 Hốt kiên mạch đầu, dương liễu sắc,
 Hối giao phu tế mạch phong hầu.

(Nguyên tác của Vương Xương-Linh)

*

Nhớ chồng

*Trẻ trung nàng biết đâu sâu,
 Buồng xuân trang điểm, lên lầu ngắm gương.
 Nhắc trông về liễu bên đường,
 « Phong hầu » nghĩ đại, xui chàng kiếm chi!*

•

Oán tình

*Mỹ nhân quyền châu liêm.
 Thâm tọa Tẫn nga my
 Dân kiến lệ ngân thấp,
 Bất tri tâm hận thù.*

(Nguyên tác của Lý Bạch)

★

Buồn vì tình

*Người xinh cuốn bức rèm châu,
 Ngồi im thăm thẳm nhìn chau đôi mày.
 Chỉ nhay giọt lệ đầy vơi,
 Đố ai biết được lòng này giận ai!*

